

ĐẶC ĐIỂM NGÔN NGỮ VĂN BẢN
VĂN BIA TRÙNG TU HỘI QUÁN NGƯỜI HOA TẠI HỘI AN
CHARACTERISTICS OF WRITTEN LANGUAGE
OF THE RESTORED EPITAPHS AT CHINESE GUILDHALL IN HOI AN

Nguyễn Hoàng Thân

Trường Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng

TÓM TẮT

Văn bia hội quán người Hoa tại Hội An còn lại hiện nay không chỉ có giá trị bảo tồn nguyên vẹn di tích phục vụ phát triển du lịch mà còn có giá trị tư liệu rất quý giá và quan trọng để tìm hiểu về cộng đồng người Hoa tại Hội An từ các mặt lịch sử, kinh tế, văn hóa, xã hội nói riêng cũng như nghiên cứu về vùng đất và con người xứ Quảng nói chung. Song, bài viết này không lấy văn bia hội quán người Hoa để làm tư liệu nghiên cứu các vấn đề như đã nêu mà trực tiếp nghiên cứu chính bản thân văn bia hội quán người Hoa từ góc độ văn bản. Cụ thể, bài báo sẽ tập trung phân tích những đặc điểm nổi bật về kết cấu văn bản, cấu trúc cú pháp và sử dụng từ ngữ của các văn bia.

Từ khóa: hội quán; Hội An; ngôn ngữ văn bản; văn bia; văn bia trùng tu.

ABSTRACT

The remained epitaphs at Chinese guildhall (club-houses) in Hoi An have not only great historical values to serve for tourist development of the ancient town but also precious and important material values to study about history, economy, culture, and society of the Chinese community in Hoi An in particular and the people of Quang Nam province in general. This paper does not use the epitaphs at Chinese club-houses as research objects but it studies directly those epitaphs from the view of written language.

Key words: Chinese guildhall (club-house); Hoi An; written language; epitaph; restored epitaph.

Người Hoa sinh sống thành cộng đồng có tổ chức tại Hội An vào thời gian từ khoảng giữa thế kỉ XVII với nhiều nguyên nhân khác nhau, trong đó có nguyên nhân chính trị “phản Thanh phục Minh”: “Vận nước nhà Minh đã đổi thay, tấm lòng trung không thể thờ hai vua, bèn giấu quan hàm họ tên tránh sang phía Nam, tập hợp Đường nhân (tức người Hoa - NHT chú), (...) lập [làng] ở Quảng Nam là trước nhất” (*Tuy tiên đường bi*). Một trong những thiết chế quan trọng của người Hoa tại Hội An nói riêng và những nơi khác nói chung chính là hội quán với nhiều chức năng như: chức năng hành chính, chức năng tín ngưỡng, chức năng giáo dục - văn hóa, chức năng tương tế. Trong quá trình khởi công xây dựng lần đầu hay những lần trùng tu hội quán về sau, cộng đồng người Hoa đều dựng bia đá để kỉ niệm.

Văn bia hội quán người Hoa ở Hội An là tư liệu có giá trị về nhiều phương diện và đã được chú trọng khai thác, phục vụ cho những

mục đích khác nhau, song chủ yếu là từ nội dung của tác phẩm mà quên đi cái “vỏ hình thức” để cấu tạo nên nội dung của nó. Do vậy, việc nghiên cứu đặc điểm ngôn ngữ văn bản của những tác phẩm văn bia trùng tu hội quán người Hoa ở Hội An cũng là một vấn đề cần thiết. Bởi quá trình nghiên cứu này sẽ giúp cho chúng ta hiểu thêm đặc điểm ngôn ngữ văn bản của người Hoa sinh sống trong môi trường xã hội Việt Nam - môi trường có ảnh hưởng ngược lại với ngôn ngữ thứ nhất của người Hoa. Đồng thời bài viết chỉ khảo sát trên những văn bản trùng tu (niên đại muộn) là văn bản đã chịu ảnh hưởng nhiều hơn bởi ngôn ngữ văn bản tiếng Việt.

Nội dung nghiên cứu thể hiện ở ba vấn đề: kết cấu văn bản, cấu trúc ngữ pháp, từ vựng - điển cố của văn bản văn bia hội quán người Hoa, trên 9 văn bản: *Hội An Trung Hoa hội quán trùng tu giản chí*, *Trùng tu Hội An Trung Hoa hội quán bi kí*, *Hội An Quảng Triệu hội quán trùng tu giản chí*, *Bốn hội quán trùng tu giản*

chí, Mĩ quốc Hội An đồng kiều tán trợ trùng tu Hội An Quảng Triệu hội quán Vạn Thiện đường kinh phí, Bồn hội quán trùng tu cấp tăng kiến tiền môn bi kí, Hội quán trùng tu bi kí, Triều Châu hội quán trùng tu bi kí, Hội An Triều Châu Hội quán trùng tu bi kí.

1. Về kết cấu văn bản

Phần lớn văn bia hội quán người Hoa tại Hội An là văn bia trùng tu, sửa chữa hội quán và các công trình công cộng của bang. Các văn bia này ngoài tiêu đề ra, thường gồm ba phần chính: (1) phần đầu nêu lí do, mục đích sửa chữa, trùng tu; (2) phần tiếp theo nêu quá trình thực hiện việc sửa chữa, trùng tu; (3) phần cuối ghi người soạn bia, thời điểm khắc bia và danh sách những người đóng góp tiền bạc và công sức.

* Ví dụ về phần nêu lí do, mục đích trùng tu, sửa chữa

Lí do đầu tiên, phổ biến thường là lí do thời tiết, phong khí làm ảnh hưởng đến công trình kiến trúc, như:

Ví dụ 1:

Phiên âm: *Nhân kiến trúc niên đại cứu viễn, diệt kinh phong vũ xâm thực, nan bảo khí tài chi bất hủ. Lịch đại quân hữu trùng tu, tuy hữu bi chí kí tải tích kì sử, thực vị năng tập trung nhất xử trí hữu Đông lã, Tây duyệt chi phương.*

Dịch nghĩa: Vì niên đại kiến trúc lâu đời, trải qua gió mưa bào mòn, khó giữ gìn khí tài khỏi hư hại. Trải qua nhiều đời đều có trùng tu. Tuy có bia ghi lại sự việc ấy nhưng chưa thể tập trung xử lí để khắp Đông Tây lã duyệt. (Hội An Trung Hoa hội quán trùng tu giản chí).

Ví dụ 2:

Phiên âm: *Đệ nhân duyệt thế kí cứu phong vũ xâm thực, đồng lương bích tường đa số hoại. Vu Dân quốc ngữ thập nhị niên thu, quán chi Tây lang cạnh nhân chi nhi khuyh đảo nãi tập bang kiều hội nghị tịnh tức thành lập trùng tu ủy hội tiến hành trừ hoạch công tác.*

Dịch nghĩa: Nhưng trải qua nhiều đời lâu dài, mưa gió bào mòn, phần lớn rường cột, tường vách bị hư hoại. Vào mùa thu năm Dân quốc thứ

năm mươi hai, vì nhà Tây bị hư sập nên tập trung Hoa kiều trong bang họp bàn và lập tức thành lập Ban trùng tu tiến hành trừ liệu công việc. (Hội An Quảng Triệu hội quán trùng tu giản chí).

Có phần đầu văn bia lại nói về lí do hội quán cũ chật chội, thấp hẹp, muốn thay cũ đổi mới như văn bia *Triều Châu hội quán trùng tu kiến bi kí* đã ghi: “*Nhân miếu vũ ti lậu hiệp ái, cách cụu đĩnh tân, tăng kì cụu chế đường, hoàn sơn, thủy cơ động, ngư dục, nga phi* = Nhân miếu thấp, hẹp, chật chội, nên thay cũ đổi mới, mở rộng nhà cũ, xây đắp cảnh non bộ có dòng nước chảy, cá nhảy, chim bay”.

Ngoài vấn đề mưa gió, thời gian; phần lí do, mục đích trùng tu của văn bia Hội An Triều Châu *Hội quán trùng tu bi kí* còn nêu lí do khói lửa chiến tranh: “*Tích, nhân kiến trúc niên viễn diệt kinh phong vũ xâm thực, hậu tao pháo hỏa kích thương dĩ chí toàn tòa đòi tàn phá hoại cơ hữu khuyh tăng chi ngu* = Tiếc rằng, do xây dựng đã lâu, trải qua mưa gió bào mòn, sau đó gặp lửa đạn tàn phá, làm tòa nhà sụp đổ, hư hại, nỗi lo càng tăng thêm”.

Văn bia *Bồn hội quán trùng tu giản chí* ngoài nêu lí do mưa gió làm hư hỏng công trình kiến trúc như thông lệ, còn nêu một mục đích khác mang tính thiết thực và ý nghĩa: “*Canh vi thậm ngu thàng bất cập thời, thiết tường khủng tương nan thiện kì hậu* = Lại thêm lo lắng, nếu như không kịp thời [trùng tu], thiết tường khó hoàn thiện cho đời sau”.

Tương tự, văn bia *Bồn hội quán trùng tu cấp tăng kiến tiền môn bi kí* (hội quán Phúc Kiến) cũng nêu: “*Thường vấn: Thủ vọng tương trợ quý hồ, hợp tác vô gian liên hợp hương tình vụ nghị, thời tương đoàn tự thử, hội quán chi thiết sở do lai dã* = Từng nghe rằng: Duy trì tương trợ đáng quý là hợp tác không phân biệt, liên kết tình đồng hương, thể hiện sự đoàn kết với nhau. Việc xây dựng hội quán do điều đó vậy!”

Văn bia *Hội quán trùng tu bi kí* của hội quán Quỳnh Phủ cũng có nội dung tương đồng:

“*Thiết bá, hương hội quán chí ư hải ngoại kí khả tụ thủ bá thoại hương tình, hựu khả tập tư bá sách hương ích chi thâm chí chi hoành, thành vô khả phục gia yên* = Thiết nghĩ, hội quán làng ở ngoài nước có thể quy tụ, đề cao tình quê hương tốt đẹp, lại có thể tập trung suy nghĩ để xây dựng làng xóm lâu dài và to lớn. Quả thật không có điều gì hơn được”.

Bên cạnh văn bia có phần đầu nêu lí do, mục đích trùng tu, sửa chữa hội quán cũng có văn bia lại nêu lí do, mục đích của việc lập bia đá: “*Y! Văn minh thời đại, khắc bi nghĩ căng quân bất dĩ kế tiền củ nhi hữu quang trung dư tích hiền sở vân: mỹ chương thịnh truyền đĩ tư chi vị hĩ. Ôi, lâm can Quỳnh quán đồng sự giả bất dĩ xu tài kiến diệp thuộc thư kì sự ư thạch viên lược cử kì ngạnh khái vân nhĩ an đắc hậu thị* = Ôi! Thời đại văn minh, khắc bia trọng việc nghĩ, không những tiếp tục theo quy củ trước mà còn làm sáng tỏ người hiền tài. Điều tốt đẹp truyền rộng rãi. Vì thế, người đứng đầu hội quán Quỳnh Phủ, chẳng phải kẻ vô tài, dùng giấy bút viết tóm lược sự việc vào bia đá để người sau được biết” (*Trùng tu Hội An Trung Hoa hội quán bi kí*).

Ngoài ra, có một số văn bia trong phần đầu còn trình bày lịch sử hội quán, như:

Trung Hoa hội quán cổ Dương Thương hội quán dã. Kim chỉ nhan chi viết Trung Hoa, thị bất vong tổ nhĩ! Di khảo Hội An nhất phố vi Quảng Nam trọng trấn, tiền thuộc Chiêm Thành, hậu quy Việt Nam. Nhật chiêu phồn thịnh ý thành thông thương khẩu ngạn Nam độ. Hoa kiều thủ suy giang tích nhi khai hiệu thư chi. Phong phạm vãng lai cấp quán tư thổ. Đương Chu Minh thất thủ, bão Thủ Dương thái Vi chi khái, diệp tiếp y quan, tụ hội cạnh môn phồn hoa quán chí sở dĩ trước danh giả.

Hội quán Trung Hoa xưa là hội quán Dương Thương. Nay đề bảng tên là Trung Hoa là không quên tổ tiên vậy! Theo khảo cứu, phố Hội An là dinh trấn lớn của Quảng Nam, trước thuộc đất Chiêm Thành, sau nhập về nước Việt Nam, ngày càng phồn thịnh, thành bên giao

thương phía Nam. Hoa kiều đầu tiên theo đường sông mở hội quán. Thuyền buồm vãng lai đến nghỉ trọ ở đất này. Vào lúc nhà Chu Minh thất thủ, nhiều người khảng khái theo cách hái rau Vi ở đất Thủ Dương, tiếp bước sự nghiệp áo mũ, tụ hội nơi này mà lập danh vậy. (*Trùng tu Hội An Trung Hoa hội quán bi kí*)

Văn bia *Bổn hội quán trùng tu cập tăng kiến tiền môn bi kí* (Phúc Kiến), *Hội quán trùng tu bi kí* (Quỳnh Phủ) cũng dành một số đoạn đầu để kể lại quá trình lịch sử của hội quán.

Một điểm riêng của văn bia hội quán người Hoa tại Hội An khác so với điểm chung của văn bia Việt Nam, là có thêm đoạn trình bày lí do để cho du khách hiểu rõ nguồn gốc di tích, bởi Hội An là một thành phố du lịch được thế giới mến chuộng nhất Việt Nam: “*Lịch đại trùng tu sự lược san phồn tựu giản đường chí ư hậu tỉ dị ư nhất mục hề nhiên liêu cung du lãm giả chi tư liệu* = Trình bày giản lược những lần trùng tu để đời sau tiện tham khảo, cung cấp các nhà du lãm nguồn gốc tư liệu” (*Hội An Trung Hoa hội quán trùng tu giản chí*)

Trường hợp cá biệt có văn bia không có phần mở đầu nêu lí do và phần kế tiếp trình bày quá trình trùng tu mà chỉ có phần cuối nhằm liệt kê những người đóng góp trùng tu hội quán như tấm bia *Mĩ quốc Hội An đồng kiều tán trợ trùng tu Hội An Quảng Triệu hội quán Vạn Thiện đường kinh phí*.

*** Ví dụ về phần nêu quá trình trùng tu, kết quả đạt được**

Văn bia *Hội An Trung Hoa hội quán trùng tu giản chí*, như tên gọi của nó, đã “lược ghi các lần trùng tu ghi ở phía trái” qua 8 thời điểm khác nhau.

Hay văn bia *Hội quán trùng tu bi kí* sử dụng 2 đoạn văn để trình bày quá trình trùng tu và kết quả đạt được, một đoạn nói về chuẩn bị: “*Vì vậy, mùa xuân năm Tân Hợi, Ban Trùng tu được thành lập. May mắn, người đồng hương xa gần biết rõ ý nghĩa, nhiệt liệt ủng hộ*”, đoạn tiếp theo nói về kết quả: “*Qua ba năm, công trình tu sửa mới hoàn thành, truyền nói ngàn năm*”.

Tương tự, một văn bia khác cũng sử dụng 3 đoạn văn để thể hiện nội dung như đã trình bày ở trên. Một đoạn là “Mùa xuân năm Đinh Mão, các hội đoàn cử mười vị công thương quyên tiền tu sửa xưởng lớn, mở thông nền nhà trước”. Đoạn tiếp theo là “Nay tu bổ không sai theo cũ. Có phòng nghị sự, có nhà sách báo, theo đó mà dựng nên. Không thêm việc, không bày biện cầu thả”. Đoạn thứ ba mô tả quá trình trùng tu cũng như những kết quả đạt được “Phía sau hội quán mở công viên, trồng hoa, trồng cây làm nơi vui chơi nhằm quy tụ lòng người chung lo lợi ích, giữ gìn hội quán vậy” (*Trùng tu Hội An Trung Hoa hội quán bi kí*).

*** Ví dụ về phần cuối ghi tên người soạn bia, thời điểm khắc bia và danh sách những người đóng góp tiền của và công sức.**

Phần cuối văn bản của bài văn *Trùng tu Hội An Trung Hoa hội quán bi kí* chép như sau:

Phiên âm:

Quảng Đông tỉnh, lập đệ lục sự phạm học hiệu bốn khoa tốt nghiệp sinh Cự Dương, vạn hi cần soạn tịnh thư.

Đại Trung Hoa dân quốc, thập thất niên, Mậu Thìn tuế song thập tức Quốc khánh kỉ niệm nhật.

Quảng Nam Hội An Hoa kiều trùng tu hội quán đồng sự hội đồng lạc thạch.

Tư tương Hội An bốn phố các giới đề quyên phương danh liệt hạ (Họ tên 108 người cúng tiền).

Tam Kỳ phố các giới đề quyên phương danh liệt hạ (Họ tên 18 người cúng tiền). Tư tương nội ngoại phố các giới đề quyên phương danh liệt hạ (Họ tên 72 người cúng tiền). Hội An bốn phố nữ giới đề quyên phương danh liệt hạ (Họ tên 120 người cúng tiền).

Dịch nghĩa:

Cự Dương cử nhân khóa VI Trường Sư phạm tỉnh Quảng Đông vạn lần vui hi, kính cần biên soạn và viết nên.

Ngày kỉ niệm Quốc khánh 10 tháng 10 năm Mậu Thìn năm Trung Hoa dân quốc thứ 17.

Ban Quản lí Trùng tu hội quán Hoa kiều

Hội An Quảng Nam cùng khắc đá.

Các giới phố Hội An quyên góp, tên thom kê dưới đây (Họ tên 108 người cúng tiền). Các giới phố Tam Kỳ quyên góp, tên thom dưới đây (Họ tên 18 người cúng tiền). Các giới trong ngoài phố quyên góp, tên thom kê dưới đây (Họ tên 72 người cúng tiền). Nữ giới phố Hội An quyên góp, tên thom kê dưới đây (Họ tên 120 người cúng tiền).

Từ mấy đoạn văn trên, chúng ta biết được tác giả bài văn bia là Cự Dương, thời gian soạn bia là năm Mậu Thìn (1928), người dựng bia là Ban Đốc công Hoa kiều Hội An và người quyên tiền được chia thành 4 nhóm với mỗi nhóm có số người và số tiền đóng góp cụ thể.

Hay như văn bia *Hội An Quảng Triêu hội quán trùng tu gián chí* dành đoạn cuối để ghi tên người đóng góp: “*Tư tương tán trợ giả phương danh liệt tả dĩ chí kỉ niệm* = Nay ghi tên thom các vị hảo tâm bên trái đây để kỉ niệm” và “*cẩn trình*” chi tiết họ tên người cúng tiền từ các “nhóm” Sài Gòn, Đà Nẵng, Huế, Tân Châu, Hội An, Quảng Ngãi...

Những tấm bia dựng thời hiện đại thường lấy ngày Quốc khánh Trung Hoa - 10 tháng 10 - để làm ngày dựng bia nhằm mang ý nghĩa thiêng liêng của tinh thần dân tộc (Hoa kiều). Điều này cũng giống như người Việt chúng ta hay chọn ngày kỉ niệm lịch sử để khởi công hay cất băng khánh thành những công trình mang tầm quốc gia.

Nhận xét: Kết cấu văn bản của văn bia hội quán người Hoa ở Hội An đều tuân theo quy cách thông lệ của thể văn bi kí, gồm đầy đủ 3 phần cơ bản của một tác phẩm bi văn là phần lí do, phần nội dung (chính) và phần tác giả, niên đại, công đức.

2. Về cấu trúc ngữ pháp

Văn bia là thể tài văn học cổ đại, ra đời từ rất sớm. Ở Việt Nam, tấm bia xưa nhất hiện còn cũng đã có niên đại vào thời nhà Tùy. Do vậy, cách hành văn của bài văn bia mang đặc điểm ngữ pháp của tiếng Hán cổ đại. Văn bia hội quán người Hoa ở Hội An cũng không ngoại lệ.

Một số văn bản bi kí trùng tu hội quán thể hiện đậm màu sắc đặc điểm ngữ pháp tiếng Hán cổ đại:

① *Mạc phát chi lễ số vô bất cụ thả dã* = không thêm việc, không bày biện cầu thả vậy.

② *Mỹ chương thịnh truyền đãi tư chi vị hĩ* (Trùng tu *Hội An Trung Hoa hội quán bi kí*).

③ *Tráng tai! Miếu mạo nguy nga dã!* *Thực thân phước u vô cương hĩ!* (*Quỳnh phủ hội quán bi kí*).

④ *Trung Hoa hội quán, cổ Dương Thương hội quán dã. Kim chỉ nhan chi viết Trung Hoa thị bất vong tổ nhĩ* = Hội quán Trung Hoa, xưa là hội quán Dương Thương. Nay đề bảng tên là Trung Hoa để không quên tổ tiên vậy!

⑤ *Duy hữu hương hội quán thị tiên hiền sở dĩ kiến lập hội quán chi hoài tâm giả dã* (*Bổn hội quán trùng tu giản chí, Hội An Triều Châu Hội quán trùng tu bi kí*).

Từ những câu trên, chúng ta dễ dàng nhận ra những trợ từ “*dã*”, “*hĩ*”, “*nhĩ*”, “*tai*” thực hiện chức năng ngữ pháp được đặt ở cuối câu để làm cho câu đó trở thành/là câu khẳng định và biểu thị ý nghĩa nhấn mạnh. Đây là hiện tượng phổ biến trong ngữ pháp tiếng Hán cổ đại:

Chi, hồ, giả, dã, dĩ, yên, tai

Dụng đắc thành văn: hảo Tú tài

Chi, hồ, giả, dã, dĩ, yên, tai

Dùng giỏi nên văn: đỗ Tú tài

làm cho những bài văn bia trùng tu mặc dù ra đời muộn ở cuối thế kỉ XX đi chăng nữa, nhưng vẫn mang âm hưởng tiếng Hán cổ đại một cách rõ nét.

Ngoài ra, ở đây còn có cấu trúc câu “A, B dã” tương đồng với các cấu trúc câu “A giả, B dã”, “A, B giả dã” tương đương với cấu trúc câu trong tiếng Việt “A là B”, “A là B vậy”. Cấu trúc câu này chúng ta bắt gặp trong *Dụ chư tì tướng hịch sĩ văn* của Trần Quốc Tuấn:

① 敬德一小生也 *Kính Đức nhất tiểu sinh dã* = Kính Đức là một học trò nhỏ.

② 杲卿一遠臣也 *Cảo Khanh nhất*

viễn thân dã = Cảo Khanh là một bề tôi xa.

Chữ “*vi*” và chữ “*chi*” trong hai câu:

① *Hội An nhất phố vi Quảng Nam trọng tấn.*

② *Hoa kiều thủ suy giang tích nhi khai hiệu thư chi.*

gợi cho chúng ta nhớ đến những câu văn trong *Thiên đô chiếu* và *Bình Ngô đại cáo*:

“遍覽越邦, 斯為勝地 *Biển lãm Việt bang, tư vi thắng địa* = xem khắp nước Việt, đây là đất đẹp”.

“朕甚痛之, 不得不徙 *Trẫm thậm thống chi, bất đắc bất tị* = Trẫm rất đau lòng về việc đó, không thể không dời đổi”.

Từ “*vi*” giống như hệ từ “*là*” của tiếng Việt, dùng để “*nói*” mệnh đề A và mệnh đề B với nghĩa “A là B”. Từ “*chi*” là đại từ ngôi thứ 3 số ít, sử dụng cực kì thường xuyên trong tiếng Hán cổ đại.

Cấu trúc câu với đại từ phiếm chỉ “*mạc*” trong câu “*Tự sự tổ tiên mạc như tông từ đường liên hệ tử nghị* = Thờ cúng Tổ tiên không gì bằng khi gắn bó dòng tộc với quê hương” của bài văn bia *Bổn hội quán trùng tu giản chí* và bài văn bia *Hội An Triều Châu Hội quán trùng tu bi kí* tương đồng với cấu trúc câu “*Điều phạt chi sự, mạc tiên khừ bạo* = Quân điều phạt, không gì bằng trước hết trừ bạo” của bài *Bình Ngô đại cáo*. Thậm chí cấu trúc “*cái văn: ... mạc...*” của hai bài văn bia này là “*Cái văn: Tự sự tổ tiên mạc như tông từ đường liên hệ tử nghị*” hoàn toàn “*đồng dạng*” với “*Cái văn: Nhân nghĩa chi cử, yếu tại an dân; điều phạt chi sự, mạc tiên khừ bạo*” của bài *Bình Ngô đại cáo*.

Cấu trúc “*cái văn*” trong *Bổn hội quán trùng tu giản chí, Hội An Triều Châu Hội quán trùng tu bi kí* và “*thường văn*” trong *Bổn hội quán trùng tu cập tăng kiến tiền môn bi kí* cũng là một trong những cấu trúc thường gặp trong tiếng Hán cổ đại. Hiện tượng này cũng xuất hiện trong *Dụ chư tì tướng hịch sĩ văn* và *Bình Ngô đại cáo*: “余常聞之 *Dư thường văn chi*”, “蓋聞: 仁義之舉 *Cái văn: nhân nghĩa chi cử...*”

Bên cạnh việc văn bản mang nhiều đặc điểm ngữ pháp tiếng Hán cổ đại, các tác phẩm văn bia trùng tu hội quán người Hoa ở Hội An còn phảng phất đặc điểm ngữ pháp tiếng Hán cận đại và hiện đại do niên đại ra đời muộn, khi mà chịu ảnh hưởng nhiều của ngữ pháp tiếng Hán cận hiện đại. Ví dụ:

Từ “*quân*” (đều) trong câu “*Lịch đại quân hữu trùng tu* = Trải qua nhiều đời, **đều** có trùng tu” (*Hội An Trung Hoa hội quán trùng tu giản chí*), là phó từ thường dùng trong Hán ngữ cận hiện đại, giống với phó từ “*都 都*” (đều). Để diễn tả phó từ “*đều*” trong Hán ngữ cổ đại, người ta thường dùng phó từ “*俱 俱*” (đều) như trong câu “*豈三代之數君俱徇己私妄自遷徙? Khởi Tam đại chi số quân, **câu** tuấn kí tư vọng tự thiên tử?* = Há các vị vua thời Tam đại **đều** làm theo ý riêng của mình, ngu xuẩn tự dòi dôi?” (*Thiên đô chiếu* - Lí Thái Tổ).

Cấu trúc “*Đệ + X + thứ*” hoàn toàn mang sắc thái của Hán ngữ hiện đại. Cấu trúc này xuất hiện trong bài *Hội An Trung Hoa hội quán trùng tu giản chí*: *đệ* nhất thứ (lần thứ 1), *đệ* nhị thứ (lần thứ 2), *đệ* tam thứ (lần thứ 3), *đệ* tứ thứ (lần thứ 4), *đệ* ngũ thứ (lần thứ 5), *đệ* lục thứ (lần thứ 6), *đệ* thất thứ (lần thứ 7), *đệ* bát thứ (lần thứ 8).

Nhận xét: Theo thói quen và “*quy định*” của văn pháp Hán ngữ cổ, nên phần lớn các câu văn trong những bài văn bia trùng tu hội quán người Hoa ở Hội An hành dụng theo ngữ pháp tiếng Hán cổ đại. Tuy nhiên vẫn có một số cấu trúc câu lại theo mô hình ngữ pháp của tiếng Hán hiện đại. Sở dĩ có hiện tượng này là do sự ảnh hưởng của ngữ pháp tiếng Hán hiện đại và đôi lúc bản thân người biên soạn văn bia cũng là người học Trung văn - ngôn ngữ đương đại của Trung Quốc. Ưu điểm của hiện tượng này là giúp người tiếp cận văn bản có thể nhanh chóng và dễ dàng giải mã được nội dung cần biểu đạt của văn bia hiện tại.

3. Về sử dụng từ vựng

Qua nghiên cứu văn bia trùng tu hội quán người Hoa tại Hội An, chúng tôi nhận thấy

có những từ ngữ xuất hiện với tần số khá cao, trở thành một nét đặc trưng về từ vựng của các văn bia. Chẳng hạn, các cụm từ: “*Phong vũ xâm thực*”, “*phong vũ nhi xâm thực*”, “*phong vũ chi xâm thực*” xuất hiện trong các văn bản *Hội An Trung Hoa hội quán trùng tu giản chí*, *Hội An Quảng Triệu hội quán trùng tu giản chí*, *Bổn hội quán trùng tu giản chí*, *Hội quán trùng tu bi kí*, *Hội An Triệu châu Hội quán trùng tu bi kí*. Tuy chúng có biến thái ít nhiều do yêu cầu văn điệu (chêm xen các từ đệm “*chi*”, “*nhi*”...) ở các văn bản khác nhau nhưng đều diễn tả một ý nghĩa chung nhất là “*mưa gió bào mòn*”.

Hay trong bài văn bia *Hội An Quảng Triệu hội quán trùng tu giản chí*, có từ “*curu công*” với nghĩa: “*tụ tập đông đúc để làm việc*”. Từ này vốn cũng được sử dụng khá phổ biến trong các bài văn bia khác (không thuộc về văn bia trùng tu hội quán người Hoa) như *Phổ Đà sơn linh trung Phật ở Ngũ Hành Sơn* hay bài *Văn bia số 5* (“*curu lập*”), *Văn bia số 7* ở miếu Quan Thánh - chùa Ông Hội An (“*Cửu tích hoại tất đại curu công*”).

Ngoài từ vựng mang tính “*thành ngữ*” như trên, văn bia ở đây còn sử dụng điển cố “*Thủ Dương thái vị*” trong bài *Trùng tu Hội An Trung Hoa hội quán bi kí*.

Song, điểm chung cơ bản nhất trong tất cả các văn bản văn bia trùng tu là: từ vựng trong các văn bản văn bia trùng tu hội quán người Hoa đan xen giữa lớp từ vựng tiếng Hán cổ đại và lớp từ vựng tiếng Hán cận đại - hiện đại. Ở đây, chúng tôi chỉ xin liệt kê những từ ngữ thuộc thời cận hiện đại trong các văn bia này, vì có thể nói đây là hiện tượng “*lạ*” trong các văn bản văn bia chữ Hán ở Việt Nam:

- *Du lãm, tư liệu, căn cứ, cập, toàn bộ, bảo trợ, hoàn thành, công trình, tả, ủy viên hội (Hội An Trung Hoa hội quán trùng tu giản chí);*

- *Hội nghị, ủy hội, tiến hành, trừ hoạch, công tác, nhiệt tâm, tả, kỉ niệm, nhiệt tâm (Hội An Quảng Triệu hội quán trùng tu giản chí);*

- *Công ty, trang nghiêm, hoàn thành, lưu niệm (Tân kiến Thiên hậu Thánh Mẫu khám*

chánh tòa gián chỉ);

- *Văn minh, thời đại, nữ giới, kỉ niệm, giáo dục, đồng sự hội (Trùng tu Hội An Trung Hoa hội quán bi kí)*;

- *Kinh doanh, hoàn thành, thiết lập, công ty, côn đồ (Dương Thương hội quán công nghị điều lệ)*;

- *Lịch sử, văn vật (Bốn hội quán trùng tu gián chỉ)*;

- *Quy mô, trình tự, hưởng ứng, hoàn thành (Bốn hội quán trùng tu cập tặng kiến tiền môn bi kí)*;

- *Lịch sử, văn vật, công tác, nhiệt liệt, công trình (Hội quán trùng tu bi kí)*;

- *Quy mô, kiến trúc, thời gian, công trình, kinh doanh, văn vật, kì vọng, lưu niệm (Hội An Triều Châu hội quán trùng tu lạc thành bi kí)*.

Những từ “*văn minh*”, “*lịch sử*”, “*kinh doanh*”, “*công ty*” là những từ Hán Việt vay mượn từ gốc Nhật từ sau thời cải cách Minh Trị.

Mặt khác, dùng để biểu đạt ý nghĩa “rồi, xong, hoàn thành công trình” các văn bản Hán văn trước đây thường sử dụng từ “*lạc thành*” mà chưa sử dụng từ “*hoàn thành*”; biểu đạt ý nghĩa “*trang nghiêm, nghiêm túc, nghiêm chỉnh*” các văn bản trước thường sử dụng từ “*nghiêm nhiên*” như trong bài *Đào hoa nguyên kí* của Đào Uyên Minh (“*thổ địa bình khoáng, ốc xá nghiêm nhiên*”) hoặc bài *Văn bia số 5* ở miếu Quan Thánh Hội An (“*nghiêm nhiên sư biểu giá*”) mà chưa sử dụng từ “*nghiêm trang*”.

Trên đây là một số kết quả nghiên cứu về đặc điểm ngôn ngữ văn bản của những bài văn bia trùng tu hội quán người Hoa. Những kết quả nghiên cứu này có thể giúp cho việc tiếp cận, minh giải, thông hiểu văn bản được thuận lợi hơn; đồng thời, góp thêm tư liệu cho việc khảo sát, nghiên cứu cũng như giảng dạy và học tập văn bản Hán văn cổ nói chung và văn bản văn bia nói riêng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Phạm Thúc Hồng (2012), *Hội quán, đền miếu người Hoa ở Hội An*, NXB. Đà Nẵng, Đà Nẵng.
- [2] Nguyễn Hoàng Thân (2007), “Khảo sát hiện tượng đồng nghĩa từ vựng và đồng dạng ngữ pháp trong bài văn bia Ngưỡng Sơn Linh Xứng tự bi”, *Kỷ yếu Hội thảo Ngữ học trẻ toàn quốc - 2007*, Hà Nội.
- [3] Nguyễn Hoàng Thân (2011), “*Phổ Đà sơn linh trung Phật - một tấm bia quý của đất Quảng*”, *Kỷ yếu Hội thảo Ngữ học toàn quốc - 2011*, Hà Nội.
- [4] Nguyễn Hoàng Thân (2013), “Nghiên cứu “bi lâm” Quan Thánh miếu ở Hội An”, *Tạp chí Phát triển Kinh tế - Xã hội Đà Nẵng*.
- [5] Lê Trí Viễn (1987), *Cơ sở ngữ văn Hán Nôm*, tập 4, NXB. Giáo dục, Hà Nội.